

Jean PRZYLUSKI

*Nguyên Giáo-sư tại Cao-dẳng Học-viện Pháp,
Nguyên Thông-tin viên Viện Đông-phương Bắc-Cổ.*

10.2.275

LỄ ĐÔNG-THỒ

MỘC-NGHĨA dịch

(Trích ở tạp-chí DÂN VIỆT SỐ 2 — 1948)



9/769

Từ nhà kho Quán Ven Đường

HANOI
NHÀ IN THỜI-SỰ
1948

LƯỢC KHẢO VỀ SỰ THỜ THỜ-THẦN Ở BẮC-VIỆT

LỄ ĐỘNG-THỜ *

của JEAN PRZYLUKI

Nguyên Giáo-sư tại Cao-đẳng Học-viện Pháp,
Nguyên Thông-tin viên Viện Đông-phương Bắc-Cử.

MỘC-NGHĨA dịch

KHI khảo xét về các tin-ngưỡng của người dân Việt, vấn-đề thờ-thần là một vấn-đề hay gặp đến luôn. Hoặc thần là chủ mảnh đất của một gia-đình, hoặc thần là chủ khu đất của một làng. Đối với đời sống của người dân Việt, thần có một địa-vị hệ-trọng lắm. Trong một bài nghiên-cứu trước (1), chúng tôi đã khảo về thần ở cây đa cây đề. Dưới đây chúng tôi khảo về lễ động-thờ: vấn-xét về vấn-đề thờ-thần, nhưng đứng về một phương-diện khác. Lễ động-thờ thường hành vào ngày đầu năm ở mọi làng người Việt. Muốn biết lễ này thế nào, chúng ta phải mang so-sánh với các lễ tục của người Trung-hoa ngày xưa và của người Mường ở Bắc Việt. Một đảng nhờ cuốn *Khảo về thờ-thần ở nước Tàu ngày xưa* (2) của Ô. Edouard CHAVANNES, công việc khảo-cứu so-sánh phong-tục Hoa, Việt cũng được dễ-dàng. Một đảng, chúng ta có lý mang so-sánh phong-tục Việt, Mường, vì không những người Việt giống người Mường về phương-diện hình-thức, mà cả ngôn-ngữ cũng tương-tự (3). Người Việt ở vùng châu thổ còn bị ảnh-hưởng ngoại-quốc. Tập quán còn có thể bị đổi thay đôi chút; còn người Mường ở vùng núi xa xôi, nên vẫn giữ được các phong tục thuần-túy của mình: sự so-sánh vì thế lại thêm phần lợi ích.

* Nguyên bản pháp-văn đã đăng vào *tạp-san Viện Bắc-Cử* tập X, trang 339-347.

(1) Xem B.C.V.T.S., tập IX, trang 758.

(2) Sử-ký của Viện Bảo-tàng Guimet, tập XXI — Xem cuốn *Thái-sơn* của ED. CHAVANNES phần phụ-lục.

(3) Xem bài của V. CHÉRON. *Khảo về người Mường tỉnh Sơn-tây*. B.C.V.T.S., tập V (1905) trang 328 trở đi.

CHƯƠNG I

Trong 7 ngày tết nguyên-đán (có nơi gọi là Tết Cả), người Việt phải kiêng nhiều điều lắm. Một trong những điều quan-trọng phải kiêng-ky là trước khi làng làm lễ động-thờ không ai được cày, bừa, cấy, sới. Thường thường lễ làm vào một trong năm ngày đầu năm, các hương-chức phải xem lịch, một cuốn lịch do triều đình (4) xuất bản, để trọn ngày lành.

Hôm tháng hai vừa qua, chúng tôi được dự lễ ở một làng thuộc tỉnh Hưng-Yên (5).

Trên một khoảng đất rộng, ở trước đình, có một cây đa to. Theo lời người làng kể lại, xưa kia ở chỗ này, có cây đa to lắm. Một hương-chức có thần-thể ra lệnh chặt cây, nhưng ngã được cây xuống thì thợ sẽ chết tươi; nên ông ký-mục bị trục xuất ngay khỏi đình. Bây giờ, người làng tin chắc cây đa này cũng không kém thiêng như cây đa trước.

Hôm ấy là ngày mừng hai tết. Từ sáng sớm, các cụ đã làm lễ Thành-hoàng ở trong đình, theo thường lệ trong mấy ngày tết: lễ vật hạ xuống, các cụ ngồi uống rượu,

(4) Mỗi năm trong triều ở Huế có xuất bản một cuốn lịch. Như năm 1910, lịch nhan là *Đại-Nam Duy Tân, tứ niên tuế, thứ canh tuất hiệp kỷ lịch*. Theo lịch này, mừng một và mừng hai là được ngày đề làm lễ động-thờ. Ngoài ra, người Việt-Nam còn dùng cả lịch Tàu, như là cuốn lịch xuất bản ở Quảng-Đông nhan là *Hồng tự đầu thông thư*. 紅字頭通書

(5) Ngày mừng hai tết, năm Duy-tân thứ tư (đương lịch là 11 tháng 2 năm 1910) tôi được dự lễ này ở thôn thượng, xã Thọ-nham, tổng Phú Khê, huyện Đông-yên, phủ Khoái-châu, tỉnh Hưng-Yên.

nhai trầu. Bảy giờ đến lúc phải cử một cụ ra chủ-lễ động-thờ. Cứ theo tục, phải chọn một cụ đã quá sáu mươi, lắm con, lại giàu có, và một người nữa trẻ hơn, vào trạc quá ngũ tuần, cũng giàu có và đông con cái, để đứng bồi-lễ. Trong khi các cụ ngồi bàn bạc trong đình, hai người mang một cái bàn kê ở dưới gốc đa, bày biện lễ vật : nào vàng mã, một chai rượu, buồng cau, mũ thờ-thần giống như mũ các quan, bồi bằng giấy đen. Hỏi người làng ai cũng nói ngay là đề tế Thờ-thần.

Lúc đó vào quăng mười giờ ; lễ vật sắp sửa xong, cụ chủ-lễ, theo sau có ông bồi-lễ, tiến lại bàn thờ. Cụ chủ-lễ mặc một cái áo thụng đỏ, áo các hô-lão hay mặc ; còn ông bồi-lễ bận quần áo thường. Cụ chủ-lễ lạy ba lạy, xong rồi chủ-lễ, bồi-lễ bước vào chiếu qui lạy.

Việc quan trọng bắt đầu. Cụ chủ-lễ dời bàn thờ đi về phía nam, cầm lấy một cái thừng, quay về hướng đông (6), sân lấy ba miếng đất. Cụ sân xong mỗi miếng, ông bồi-lễ lại mang đặt dưới gốc đa : miếng thứ nhất bên phải cụ chủ-lễ, miếng thứ hai bên trái, miếng thứ ba ở giữa. Xong hai cụ lại trở về bàn thờ lạy ba lạy ; thế là lễ tất. Vàng và mũ hóa ngay tại chỗ ; còn rượu, cau, mang vào đình để các cụ dùng. Trong lúc hành lễ có ba người dự lễ, mặt quay về hướng đông ; hai người thồi ốc, một người gõ trống khau.

Đây là lễ động-thờ ở người Việt. Còn người Mường ở Bắc Việt cũng làm một lễ gọi là *động-thờ* (7) ; nhưng cách hành lễ có điều hơi khác.

Cũng như người Việt, người Mường làm lễ này vào mấy ngày sau tết Nguyên đán (8) ; và làm lễ xong, dân làng mới được phép cấy cấy.

(6) Người Hoa và người Việt cho rằng mỗi phần của thời-gian có liên-lạc đến một phần của không-gian. Vì thế, muốn chọn hướng, phải tùy năm. Như làm nhà, phải xem hướng ; mà muốn được hướng, phải tùy năm ; ở đầu cuốn lịch, ta thấy *dại lợi đông tây, bất lợi bắc phương* (xem Hồng-tự đầu thông thư, năm 1910, trang 2). Hướng tây và hướng đông là hướng tốt, làm vào hướng Bắc thì không phải là được hướng. Ngày lễ động-thờ, người chủ lễ kiêng không được quay về hướng Bắc. Và đến khi hành lễ, tôi thấy quay về hướng Tây.

(7) Khi phiên các tiếng Mường, tôi đồng ý với ông CHÉON rằng những âm có đánh dấu ngã phải được đọc : cao giọng hơn âm không đánh dấu, và nhẹ hơn khi âm có dấu sắc.

(8) Người Mường bắt chước người Việt ăn tết Nguyên-đán vào cùng một ngày. Nhưng chính ra, ngày tết Nguyên-đán là ngày 30 tháng giêng của người Mường. Cũng như nhiều dân-tộc khác, người Mường có một cuốn lịch riêng, khác hẳn lịch tôn-giáo. Muốn xem tết vào hôm nào, họ theo lịch Việt-Nam. Nhưng khi thường thì dùng lịch riêng, khác hẳn lịch của người Việt ; thời gian tính nhanh hơn độ một tháng.

Dưới này, chúng tôi tả các lễ tục của người Mường thuộc phủ Mỹ-đức, tỉnh Hà-đông. Trọn ngày lành, người Mường theo âm lịch của người Việt, hay là tính đốt ngón tay theo một phương pháp riêng (9). Hôm ấy, *cụ tiên* (hay là *cụ cai*) (10) dậy thật sớm ; ở các nhà sàn của người Mường, dưới chân thang, có một cái cối giã gạo. Trong lòng cối, hôm ấy, đã có vài hạt thóc ròi. Cụ tiên cầm chày giã ba lần. Đến khi mặt trời mọc, vào quăng độ bảy giờ, cụ cùng một gia nhân đi ra suối, nơi người làng vẫn lấy nước để tát vào ruộng. Suối có *pai* chân (*pai* là một cái đập nhỏ) ; đến chỗ ấy người bồi-lễ dùng thừng sân một miếng đất ròi ném xuống *pai* : đó là lễ *tấp pai* (11).

CHƯƠNG II

Muốn hiểu ý nghĩa lễ động-thờ, chúng ta phải xem rằng trước khi làm lễ người dân phải kiêng, không được làm những việc gì. Phải kiêng mọi việc có thể đụng chạm đến thần đất như : cày, sỏi, nhổ cỏ, chặt cây. Tóm lại, một điều quan trọng : phải coi những cây cỏ mọc tự dưới đất lên như những vật bất khả xâm phạm. Cho nên trước khi làm lễ động-thờ, cày, sỏi phải kiêng đã đành, cả đến những việc như chẻ củi, giã gạo, người dân cũng không được làm. Tại sao lại phải kiêng ? Duyên cớ vì đâu ? Tại sao ngày đầu năm, lại không dám đụng chạm đến thờ-thần ? Tại sao đến năm mới, lại phải kiêng không được làm việc đồng áng ? Có lẽ năm cũ qua, sang năm mới, các nguồn sinh-lực vẫn tiềm tàng trong lòng đất được tăng thêm lên chăng ? Đối với dân tộc Việt-Nam, cũng như đối với nhiều dân tộc khác trên trái đất này, ngày đầu năm là một ngày quan trọng, một ngày thời gian bình như ngừng chảy ; đời sống của vạn

(9) Nếu không có lịch, người Mường đếm đốt ngón tay, tính xem ngày tốt ngày xấu, cách đếm đốt ngón tay, có lẽ cũng như cách đếm của người Việt. Nhưng còn cách tính ngày của người Mường, họ giữ bí mật. Họ kể rằng xưa kia một con hổ đã dạy ông cha họ lối tính này. Ai mà tiết lộ ra sẽ bị hổ ăn thịt ; thế thì làm thế nào mà truyền lại cho nhau được. Họ bèn nghĩ kể này : « Khi muốn dạy một người khác biết cách tính, họ uống rượu thật say, xong rồi họ dạy nhau cách tính này, không sợ hãi gì. Vì họ cho rằng hổ có biết thì cũng bỏ qua không chấp, vì đương say nên mới tiết lộ ra ».

(10) Ở các làng Mường tổ chức theo chế độ xã thôn người Việt, viên chức có địa vị cao nhất gọi là *thủ-chỉ* hay *tiên-chỉ* ; còn ở những làng dưới quyền quan lang, viên chức này gọi là *cai-xã*, hay *cai-klung* hay *cai giáp*.

(11) Tiếng *tấp* ở *tấp-pai* đồng nghĩa với tiếng Việt *đắp*.

vật trên mặt đất này hình như nhíp nhàng hơn (12). Một năm hết, thiên nhiên hình như sống lại; cây cỏ cũng gặp một hội mới; các chất của đất hình như cũng thấm tươi hơn.

Xét thần thoại của nhiều nước, ta cũng thấy thần cây cỏ cứ đúng kỳ hạn chết đi rồi sống lại (13). Nhưng ở Việt-Nam có điều hơi khác. Cứ hàng năm, đến hôm 23 tháng chạp. *Thờ-công*, hay gọi nôm na là *vua bếp* lên châu trời để tâu với đức Ngọc-hoàng các sự xảy ra trên dương-thế (14). Sau 7 ngày, vua bếp lại trở về hạ-giới. Kể ra điển tích này cũng không có gì lạ cả. Chỉ có một điểm đáng chú ý là hàng năm vua bếp đi vắng: Người xưa cho rằng các sinh-lực của đất và cây cỏ, cứ hàng năm tươi tốt lại.

Quả vậy, thổ-thần tượng trưng các sinh-lực tiềm-tàng trong trái đất. Bây giờ, thổ thần không ở nữa, tượng trưng vạn vật ngừng sống lúc mùa đông tháng giá. Nhưng khi xuân tới, thổ thần lại trở về với khí dương ấm áp. Cho nên, điển-tích Đông-phương này giống điển-truyện nàng Proserpine trong thần-thoại bên Âu. Chỉ có một chỗ khác nhau: nàng tiên Proserpine đời trần thế xuống âm-phủ, của vua bếp lại lên trời châu đức Ngọc-Hoàng.

Ngày xuân tới, hình như cây cỏ tươi tốt thêm lên, nhưa dồi dào trong thân cây tràn ngập sự sống; nếu vậy, đất có những sinh lực huyền-bí; vì thế đất là một vật thiêng liêng; đất trở nên đáng sợ làm người không

(12) Xem bài khảo về *Sự trình bày thời gian ở tôn-giáo và ảo-thuật* (Étude sommaire de la représentation du temps dans la Religion et de la Magie) của H. HUBERT ở Tập kỷ-yếu hàng năm của trường Cao-đẳng-thực-hành (ban khoa học tôn giáo), tr. 9-10. Người Việt-Nam có quan-niệm rất giản-đoạn về thời-gian. Thực vậy, tuổi không tăng dần dần, từng ngày từng tháng mà cứ đến Tết Nguyên-đán là lảng ngay từng năm. Thí dụ: không bao giờ người Việt-Nam nói lên 18 tuổi rưỡi; ai nói như vậy người khác cho là vô lý và chế ngay. Nếu 18 tuổi, hết năm sang ngày mùng một là đã 19 tuổi rồi.

(13) Muốn khảo về vấn-đề thần đất cứ hàng năm chết đi, xin xem cuốn « *Cành vàng* » (*The golden bough*) của FRAZER, tập II, trang 94 trở đi.

(14) Xem tác phẩm *Hội ở Hạ-môn* (Les Fêtes actuellement célebres à Emoui) đăng trong Tập kỷ-yếu của Viện Bảo-tàng Guimet, tập XI, trang 30 trở đi, và tập XII, trang 579 trở đi. Còn về vua bếp, người Tàu cũng như người Việt cũng một tin-nguờng, nhưng tục-lệ ở Việt-Nam có chút khác tục-lệ ở Tàu, do ông DE GROOT tả. Ở Tàu, khi vua bếp lên châu trời, có ông vua bếp khác đến tạm thay; còn ở Việt-Nam, thì không có ai thay cả. Hai nữa, người Việt cho rằng đêm 30, vua bếp lại trở về hạ-giới. Người Tàu lại cho rằng mãi đến mùng bốn tết, thổ công mới xuống trần.

dám phạm tới; ai mà chót nhớ có thể bị nguy đến tính-mệnh. Vì cơ này nên không ai được cây cỏ ngày đầu năm. Và cũng vì thế nên phải tế thần để thời không phải kiêng nữa. Thực vậy, nếu chưa làm lễ, không ai dám đụng đến đất. Tình hình này không thể kéo dài mãi được. Nhà nông sẽ bị quá thiệt-thòi. Vì vậy, phải tìm được một người có một sức mạnh liệt huyền-bí mới dám đương đầu với các sức mạnh chứa trong trái đất. Ở các xã-hội đã khá văn-minh, thường chỉ có đạo-sĩ là được coi như đủ tư-cách giao thiệp với đất, vì chỉ vị này mới có một tính-cách tôn nghiêm, mới đủ lực để đối phó với các sức mạnh huyền bí. Nhưng còn ở nhiều xã hội, vị lãnh tụ (15) phải đảm nhiệm việc này. Vì thế cho nên ở các làng Mường, cụ *tiên* hay cụ *cai* phải sỏi đất đầu tiên. Một lần, hỏi chuyện một người Mường, người này trả lời tôi bằng tiếng Việt rằng: « Cứ đầu năm thì đất là *thần* (16). Người dân thường không ai dám phạm tới, chỉ có người cao số là chịu được thôi. »

Cũng chính vì cụ tiên có phép huyền bí nên ngày tết mới dám giã gạo đầu tiên; cụ phải chịu hết trách nhiệm. Khi cụ đã « xong đất » rồi, người làng có thể giã gạo không e ngại, lo lắng gì. Và lại, ngay khi chưa làm lễ động-thổ, nhưng mà làm lễ *tấp pài* xong rồi, là dân làng có thể làm công việc đồng áng. Tuy trong lúc hành lễ, người tùy-tòng sẵn đất chứ không phải cụ *cai*, cụ *tiên*, nhưng chẳng qua người ấy là người nhà cụ. Người này làm việc theo lệnh cụ, không phải là họ tự ý làm. Chính cụ tiên cụ cai phải chịu hết trách nhiệm.

Đó là lẽ tục của người Mường; còn ở các làng người Việt, cũng cụ tiên-chỉ làm chủ-lễ. Muốn được bầu làm chủ-lễ cụ phải đủ những điều kiện mà chúng tôi đã nói trên kia. Phải là một cụ bố lão có tuổi, giàu có, đông con. Vì rằng theo người Việt, ai đủ ba điều kiện này là có một phép huyền bí cao cả. Người Việt-Nam cho rằng: ai làm con là có phúc. Chữ « phúc » ở đây không phải nghĩa là hạnh phúc, quan niệm vật chất của người Tây phương. Ở Việt-Nam, người có « phúc » là người trong đời được thần thánh phù hộ cho gặp nhiều điều hay sự lành, nên làm việc dễ thành công. Vậy có phúc nghĩa như số hay gặp may mắn (17). Còn như quan-niệm về sự giàu có của người dân Việt cũng không khác quan-niệm

(15) Muốn khảo về tính cách tôn nghiêm của người thủ-lĩnh, xin xem cuốn *Khảo về cổ sử các vương quyền*, (*Lectures on early history of the Kingship*) của Đ. FRAZER trang 28 trở đi.

(16) Tiếng Mường *thần* đồng nghĩa với tiếng Việt *thiên*.

những người nước khác (18). Ở Bắc-Việt, cụ chủ-lễ thường thường là một hương chức có chân trong hội-đồng kỳ-mục. Tuy các bộ lão bây giờ không được tôn trọng như xưa, nhưng xét về phương diện luân-lý cũng như về phương-diện tôn-giáo, hãy còn được dân làng kính nể lắm. Như khi hàng giáp ngồi uống rượu, bao giờ các chiếu trên cũng phải nhường các cụ, rồi mới đến các phú-lão và các ông chức-sắc (19). Tại sao các cụ lại được tôn kính hơn? Có lẽ đó là một truyền tục tự xưa còn lại. Vì thế ta mới thấy có nơi cụ chủ-lễ phải là một cụ bảy mươi (20).

Nói tóm lại, khảo xét phong-tục xưa của người Mường hay của người Việt ở miền châu-thổ Bắc-bộ, người dân thường không dám chạm đến Thổ-thần mà chỉ có một người có oai quyền cao-cả, một người xã-trưởng hay là một vị hương-chức, một người kỳ-mục có tuổi mới dám bắt đầu làm việc đồng áng ngày đầu năm; hoặc là già gạo, hoặc là cây, sỏi. Bây giờ chúng ta xét xem tại sao khi làm lễ lại mang đặt dưới chân cây đa ba miếng đất.

CHƯƠNG III

Trên kia, ta thấy cứ hàng năm, Thổ thần sống lại, cũng như cây cỏ úa héo lúc mùa đông lại trở nên tươi tốt lúc xuân về. Nếu thần hàng năm hồi tỉnh, lẽ cố nhiên hàng năm dân phải tế thần. Thần làm chủ đất đai một xã, y như một vị chúa, thời phong kiến, làm bá-chủ một nước chư-hầu, trong khoảng thời gian là mười hai tháng. Khi năm hết xuân sang, chúa lại được tái phong; chúa vẫn giữ chức cũ vậy. Mục đích của lễ động-thổ là phong tục cho Thổ-thần, đó là chủ-đích của đoạn khảo xét dưới này.

Chúng ta biết rằng ở Bắc-bộ, xa các nơi làng mạc, trên các gò, các đồng, giữa cánh đồng cỏ những cây cối được tôn thờ. Trong bài khảo cứu trước chúng tôi đã chủ trì rằng: xưa kia những nơi đó là nơi thần ở (21). Thuyết này thêm phần hợp lý, khi ta nhận

(17) Xem cuốn *Khảo về ảo thuật* (Xã hội học kỹ-yếu, tập VII, trang 118). Của HUBERT và MAUSS.

(18) Muốn biết về vấn đề người giàu có coi như là người có phép lạ, xin xem cuốn *lược khảo về nguồn gốc tiền* (*Grandriss einer Entsehungsgeschichte des Geldes*) của Schurtz, trang 42 trở đi.

(19) Xem cuốn *Một làng Việt-Nam ở Bắc-bộ* của ORY.

(20) Người chủ lễ động thổ phải có đủ ba điều kiện: Có tuổi, giàu có lại đông con. Ta mang so sánh với tam đa: phúc, lộc, thọ; đông con nhiều cháu là có phúc; quyền

thấy ở bên Trung-quốc các gò đồng trên có cây đa cây đề là nơi thờ Thổ-thần một khu (21).

Cứ đúng lý ra nếu hàng năm phong tục cho thần đáng lễ hàng năm phải đắp một gò mới, trồng một cây mới, tái lập một ban thờ thần. Tuy người Việt không đắp một gò mới, nhưng cũng làm một cái gì tương-tự là mang đặt ba miếng đất mới sẵn dưới gốc cây. Cây đa trước đình hình như được vun gốc một cách huyền bí; hình như người ta giồng lại cây đề làm chỗ ở của thần đất mới hồi sinh.

Nếu giảng như vậy, thật là hợp với các kiến-thức về sự thờ Thổ thần ở bên Tàu ngày xưa. Thực thế, trong lời phụ chú bộ *Sử-ký* của TƯ-MÃ THIÊN, văn-gia CHỦ THIẾC-TÔN ở vào thế kỷ thứ I trước Tây lịch viết rằng: Khi vương hầu lần đầu tiên được phong chức, hầu phải lấy một miếng đất ở bàn thờ thổ-thần của Hoàng-đế rồi mang về nước thờ làm thần; cứ Xuân, Hạ, Thu, Đông,

cao chức trọng là lộc, sống lâu, mạnh khỏe là thọ. Người Tàu, người Việt cho là có phúc, có lộc, được thọ là nhờ ông sao phúc, ông sao lộc, hay là ông sao thọ chiếu vào. Thế nhưng chưa ai hiểu rõ ba ông sao này ra sao cả. Ở Hà-nội, người Tàu hay bán tranh tam-đa, vẽ một ông cụ già, một người giàu, một cụ có lắm con, xúm xít chung quanh, tức là trở ba ý: thọ, lộc, phúc. Người Việt cũng có vẽ tranh tam-đa; nhưng thường thì cũng có nhiều người Việt bình-dân không hiểu ý-nghĩa của bức tranh này. Có lẽ là 3 ý này gồm lại mà xét về phương-diện nombre, có một nguồn gốc rất cổ, nhưng theo thời gian, thì cũng không thay đổi mấy. Sách *Trang-tử* chép lại một ông quan đến chúc vua Nghiêu được sống lâu, giàu có, lắm con (*Xem Trang-tử Nam hoa chân kinh 莊子南華真經*) tập II, trang 20 Bản dịch của Legge. *Lão-văn hợp-tuần*, (*The Texts of Taoism*) phần thứ nhất, trang 313. Ở *đất Hoa*, vua Nghiêu nhìn chung quanh; vị quan trấn-thủ nói: « Xin kính chào hiền nhân. Xin kính chúc ngài được trường thọ. » Vua Nghiêu đáp: « Khoan ». Vị quan nói rằng: « Xin kính chào hiền nhân được giàu sang. » Vua Nghiêu đáp: « Khoan ». Nhưng vị quan lại tiếp: « Chúc hiền nhân lắm con nhiều cháu ». Vua Nghiêu: « Khoan ». Vị quan lại thưa: « Thế nhân hết thầy đều muốn sống lâu, giàu có, lắm con nhiều cháu ». Thế mà Trang-tử mất ở thế-kỷ thứ ba trước kỷ nguyên này. Vậy chắc là lúc ấy các vấn đề tam đa gồm ba điều: đa thọ, đa phú, đa nam. Sau này, quan niệm lắm ruộng, nhiều tiền, đổi ra một quan niệm được quyền cao chức trọng, tức là lộc. Thành thử bây giờ tam đa là phúc, lộc và thọ. Ta nên đề ý đến người Việt ở thôn quê còn có quan niệm cũ: chọn một cụ chủ lễ có đủ ba điều: có tuổi, giàu có, lắm con. Ở điền này và ở nhiều điền khác, người Việt ở thôn quê còn giữ được nguyên vẹn tập tục cổ xưa, không bị thay đổi gì.

(21) Xem *Tập San Viện Bắc-Cổ*, t. IX (1909), tr. 753.

một năm phải bốn kỳ cúng tế (23). Vậy, nếu tự đời nhà Hán, — mà có lẽ từ trước nữa (24), — khi làm lễ phong tước, mỗi chư-hầu phải lấy một miếng đất; tuy miếng đất nhỏ, hầu lúc về nước còn lập nổi thành một bàn thờ; thì ở Việt-Nam, lấy ba miếng đất mới sẵn đặt dưới gốc cây đa coi như tái lập bàn thờ Thổ-thần, điều này kẻ cũng không có gì là khó hiểu lắm.

Tuy theo CHỮ THIẾU-TÔN, ở bên Trung-quốc ngày xưa, Hoàng-đế ban cho hầu một miếng đất; còn ở Việt-Nam khi làm lễ động-thờ, người hương-chức lấy vài miếng đất sẵn ở khu đất của làng. Như vậy, có chỗ khác nhau: ở bên Trung-quốc đất do Hoàng-đế ban, còn ở đây, do dân sẵn lấy. Muốn giảng điều này, kẻ cũng không khó. Thực thế, sách *Đồ-đoan* chép rằng: bên Tàu, đời Hán, dân hàng tòng phong tước cho

Thổ-thần (25). Bây giờ Thổ-thần ở các làng Việt không khác gì các vị thần này (26) vì thần cũng do dân làng phong tước cho. Vì thế một vị đại diện được cử ra để tế.

Nói tóm lại, khảo xét về sự thờ Thổ-thần ở Việt-Nam, ta thấy nhiều di-tích các lễ tục thờ thần bên Trung-quốc ngày xưa, về đời nhà Hán. Xưa kia, mỗi vương hầu nhận của Hoàng-đế một miếng đất về lập bàn thờ (27). Ngày nay, các vị đại diện dân làng mang đặt 3 miếng đất dưới gốc cây. Hai cách phong tước cho thần giống nhau. Chỉ có mỗi chỗ khác: một đảng, hầu lập thần cho cả một nước; còn một đảng, ngày lễ động-thờ, dân Việt lập một thần mới cho làng mà thôi.



(22) Xem cuốn *Thái-sơn*, của ED. CHAVANNES, tr. 450 và 466.

(23) Xem cuốn *Thái-Sơn* phần phụ-lục tr. 452.

(24) *Đoạn kể trên*, tr. 459.

(25) *Đoạn kể trên*, tr. 446.

(26) *Chữ lý (里)* thường dùng để chỉ một làng Việt-Nam lý trưởng, tên người hương chức thay mặt dân làng để giao thiệp với người trên.

(27) Xem tác phẩm của CHAVANNES, *đoạn kể trên*, trang 456.